

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐƠN D  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HSST  
Ngày 19 - 01 - 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN D**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Hoa

2. Ông Lê Minh Huy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Ngân - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đơn D tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 66/2017/HSST ngày 25 tháng 12 năm 2017 đối bị cáo:

**Phạm Văn Tr**, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn T, xã Ái Th, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: không ổn định; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 06/12; Con ông Phạm Văn Th và bà Hà Thị Ch; Anh chị em ruột: không có, bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/10/2017 đến nay. Có mặt.

*Người bị hại:*

**Lê Thị H**, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Số 28 H, xã K, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

**Nguyễn Huỳnh S**, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: 9B TDP NĐ, thị trấn M, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Đầu tháng 08/2017, Phạm Văn Tr đến huyện Đơn D làm thuê. Sáng ngày 06/10/2017, Tr đi thăm bố, trên đường đi Tr thấy xe mô tô biển số 49N5 – 4258 nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ bạc của chị Lê Thị H dựng trên đường bê tông thuộc thôn H xã K, trên xe có gắn chìa khóa nên đã nảy sinh ý định trộm cắp xe. Tr đã mở khóa xe rồi điều khiển xe về nhà bạn mượn mũ bảo hiểm điều khiển xe ra chợ Đức Trọng và Đà Lạt để bán xe nhưng do xe không có giấy tờ nên không bán được. Tr điều khiển xe về lại Đơn D, đi đến thôn T, xã Qu thì xe hết xăng nên Tr để xe tại bãi cát và vào nhà nghỉ Quỳnh Thy ngủ lại. Khoảng 08 giờ ngày 07/10/2017, Tr đến quầy lễ tân để trả phòng thì thấy ví da của anh Nguyễn Huỳnh S để trong rổ đựng chìa khóa phòng, lợi dụng không có ai xung quanh Tr đã lấy ví da lục lấy số tiền 1.100.000đ bỏ vào túi quần rồi bỏ lại ví da vào vị trí cũ. Anh S phát hiện bị mất tiền nên đã đi tìm Tr và đưa Tr về nhà nghỉ cho xem camera thì Tr thừa nhận hành vi trộm cắp của mình.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thừa nhận vào ngày 06/10/2017 đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 49N5 – 4258 nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ bạc dựng trên đường bê tông ở thôn H xã K, sau khi lấy được xe bị cáo mang xe đi bán nhưng do không có giấy tờ nên bị cáo mang xe về lại, xe hết xăng nên bị cáo đã bỏ lại xe ở bãi cát và vào nhà nghỉ Quỳnh Thy ngủ lại qua đêm, đến sáng ngày 07/10/2017 bị cáo đến quầy lễ tân trả tiền phòng, lợi dụng trong lúc không có ai bị cáo đã lấy trộm số tiền 1.100.000đ trong ví da của anh Nguyễn Huỳnh S. Hành vi của bị cáo sau đó bị phát hiện và bắt giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại chị Lê Thị H xác định vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 06/10/2017 chị đi vào thôn H xã K để làm vườn bằng xe mô tô biển số 49N5 – 4258 nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ bạc, chị dựng xe trên đường bê tông sát vườn chị làm, trong lúc sơ hở mất cảnh giác xe mô tô của chị đã bị kẻ gian lấy cắp. Chị đã được nhận lại xe, không có yêu cầu gì đối với bị cáo và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Huỳnh S khai báo bị mất 1.100.000đ và xác định chính bị cáo là người đã lấy cắp. Anh đã được nhận lại số tiền 1.100.000đ, anh không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Đơn Dxác định chiếc xe mô ô biển số – 4258 nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ bạc có giá trị 2.790.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 3.890.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 01/KSĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đơn D đã truy tố bị cáo Phạm Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phạm Văn Tr đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài sản của người khác có tổng giá trị là 3.890.000đ là vi phạm pháp luật, nên Phạm Văn Tr phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình.

*Đề nghị Hội đồng xét xử:*

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điều h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến gì về mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1]. Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện Đơn Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 06/10/2017 và ngày 07/10/2017, bị cáo Phạm Văn Tr đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của chị Lê Thị H và anh Nguyễn Huỳnh S; tổng tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị là 3.890.000đ. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Văn Tr đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi bổ sung năm 2009 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến tài sản của chủ sở hữu, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu, thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp vì vậy cần phải có thái độ xử lý nghiêm minh đối với bị cáo để rèn luyện thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

*[4]. Về tình tiết định khung hình phạt:*

Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

*[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng điểm p, h Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

Xét bị cáo là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì chưa có hành vi vi phạm nào khác, tài sản trộm cắp có giá trị nhỏ đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã sửa đổi bổ sung năm 2009 xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và chỉ cần xét xử bị cáo bằng thời hạn tạm giam cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

[6]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định: “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt tiền bổ sung. Xét bị cáo hiện nay là lao động phổ thông, công việc không ổn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*[7]. Về vật chứng:*

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ thu giữ và trả lại cho chị Lê Thị H 01 xe mô tô biển số 49N5 – 4258; thu giữ và trả lại cho anh Nguyễn Huỳnh S số tiền 1.100.000đ; sau khi nhận lại tài sản không ai có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét đến.

*[8]. Về trách nhiệm dân sự:*

Tại phiên tòa, chị Lê Thị H không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét đến. Quá trình điều tra, anh Nguyễn Huỳnh S không có yêu cầu gì đối với bị cáo, tại phiên tòa anh S vắng mặt nếu sau này có tranh chấp gì với bị cáo sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

*[9]. Về án phí:* Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt Phạm Văn Tr 03 tháng 15 ngày tù.

Căn cứ Khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. *Về án phí*: Bị cáo Phạm Văn Tr phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc niêm yết).

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Công an huyện Đơn Dương;
- Thi hành án Đơn Dương; Sở tư pháp;
- Bị cáo; nhà tạm giam Công an Đơn Dương;
- Lưu: HS; THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã Ký)**

**Trần Quang Cảnh**